

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2020.

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mạc Minh Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 88/2020/TLST-HNGĐ ngày 11/5/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 40A/2020/QĐST-HN&GD ngày 10/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Ch**, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD.

Nơi cư trú hiện nay: Thôn HĐ, thị trấn LC, huyện CG, tỉnh HD.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1986.

ĐKHKT : Thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD.

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Huy T**, sinh năm 1956.

ĐKHKT: Thôn CX, xã CB, huyện BG, tỉnh HD.

Chị Ch, anh Đ và ông T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, chị Ch trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã CB, huyện BG, tỉnh HD vào ngày 26/11/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015, anh Đ đi lao động tại Đài Loan, chị về nhà ngoại sinh sống, để con cho ông bà nội chăm sóc, vợ chồng ít khi liên lạc với nhau, có lần anh Đ điện về bảo chị làm thủ tục ly hôn vì anh Đ không biết khi nào về Việt Nam. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về con chung: Chị Ch xác định vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 09/12/2011 hiện con đang ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Huy T. Chị đề nghị Tòa án giao con cho anh Đ và ông bà nội nuôi dưỡng, chị sẽ cấp dưỡng nuôi con nếu anh Đ và ông bà có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

- Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ch không cung cấp được địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan vì vợ chồng không liên lạc từ lâu.

Tòa án đã về gia đình gặp ông Nguyễn Huy T là bố đẻ của anh Đ và yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh Đ tại Đài Loan nhưng ông không cung cấp được địa chỉ của anh Đ. Ông T xác định năm 2010 anh Đ và chị Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Năm 2011 sau khi chị Ch sinh con được 03 tháng thì chị Ch bỏ đi, để con lại cho ông bà chăm sóc, gia đình động viên thì chị Ch về cùng anh Đ nuôi con. Năm 2015 anh Đ đi lao động tại Đài Loan, sau đó một thời gian chị Ch lại bỏ đi cho đến nay không về thăm con. Anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về hỏi thăm tình hình của bố mẹ và con. Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, ông T đã thông báo cho anh Đ biết việc chị Ch có đơn xin ly hôn, anh Đ đồng ý. Về con chung: Anh Đ có quan điểm xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng tiền nuôi con, anh Đ nhờ vợ chồng ông chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ ở nước ngoài, ông T nhất trí quan điểm của anh Đ. Về tài sản chung: Chị Ch không đề nghị Tòa án giải quyết, anh Đ và gia đình ông không có ý kiến gì.

Tại công văn số 7919/QLXNC-P5 ngày 01/6/2020 của Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an xác định anh Nguyễn Văn Đ, CMND: 142256621 địa chỉ thường trú tại: CB, BG, tỉnh HD xuất cảnh lần cuối ngày 01/7/2015 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tố tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng cơ bản đảm bảo quy định của pháp luật tuy nhiên việc thu thập tài liệu và thời hạn chuẩn bị xét xử chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 476 BLTTDS; đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn tiếp tục cung cấp địa chỉ của bị đơn đến hết thời hạn chuẩn bị xét xử nên không phát biểu quan điểm về đường lối giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị Ch vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch.

Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Tòa án đã yêu cầu chị Ch cũng như bố mẹ đẻ anh Đ cung cấp địa chỉ của anh Đ nhưng không cung cấp được, nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị tạm ngừng phiên tòa để yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ của bị đơn cho đến khi hết thời hạn xét xử theo Điều 476 BLTTDS. Đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ nên không thực hiện theo quy định tại Điều 476 BLTTDS và không thuộc trường hợp tạm ngừng phiên tòa. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành làm việc với gia đình anh Đ là ông Nguyễn Huy T (bố đẻ của anh Đ) và đã yêu cầu ông cung cấp địa chỉ của anh Đ tại nước ngoài tuy nhiên ông không cung cấp được, do vậy Tòa án đã tổng đạt những văn bản tố tụng cho anh Đ thông qua ông T, ông T đã thông báo nội dung văn bản cho anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ch và anh Đ được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/11/2010 tại UBND xã CB, huyện BG, tỉnh HD. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Ch và anh Đ tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến

năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Sau đó anh Đ đi lao động tại Đài Loan, chị Ch bỏ về gia đình để sinh sống, để con cho ông bà nội chăm sóc, từ đó anh chị không còn liên lạc, quan tâm đến cuộc sống của nhau nên tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ch, xử cho chị Ch được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Ch và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 9/12/2011, hiện con đang ở cùng ông T là bố đẻ anh Đ. Xét anh Đ có nguyện vọng xin được nuôi con, tự nguyện không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng tiền nuôi con chung và nhờ ông bà nội chăm sóc trong thời gian anh làm ăn ở nước ngoài, ông T nhất trí chăm sóc cháu Kh thay cho anh Đ cho đến khi anh Đ về nước và tự nguyện không yêu cầu anh chị phải chi phí chăm sóc vì anh Đ vẫn gửi tiền về cho ông chăm sóc con. Chị Ch nhất trí giao con cho anh Đ nuôi dưỡng và ông bà nội trực tiếp chăm sóc. Cháu Kh cũng có nguyện vọng xin được ở với bố và ông bà nội nay vẫn được chăm sóc đảm bảo về mọi mặt, phát triển bình thường. Vì vậy cần giao con chung Nguyễn Ngọc Kh cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tạm giao cháu Nguyễn Ngọc Kh cho ông Nguyễn Huy T (bố đẻ anh Đ) nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về nước trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Ch là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị Ch được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con Nguyễn Ngọc Kh, sinh ngày 09/12/2011 cho anh Nguyễn Văn Đ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi,

trưởng thành; chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị Ch cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Kh cho ông Nguyễn Huy T (là bố đẻ anh Đ) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con.

Chị Ch có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ch phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0002137 ngày 07/5/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Ch đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ch vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án, ông T có quyền kháng cáo phần có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Đ đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã CB, huyện BG, tỉnh HD;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mạc Minh Quang